

Số: /QĐ-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

#### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 sửa đổi một số nội dung tại Điều 3 quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-STC ngày 16/12/2024 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Xét đề nghị của Văn phòng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi NSNN năm 2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ông, bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng, Văn phòng Đại diện Ban Quản lý và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

**PHỤ LỤC****CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025****Đơn vị: Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai**

(Kèm theo Quyết định /QĐ-KCNĐN ngày tháng 12 năm 2024

của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

**Chương 505***ĐVT: Triệu đồng*

NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
		Số tiết kiệm thực hiện CCTL của NS tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng
<b>I/ DỰ TOÁN THU NS:</b>	<b>1.495</b>		
<b>1/ Tổng dự toán thu</b>	<b>1.495</b>		
<b>- Thu phí:</b>	<b>1.480</b>		
+ Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	780		
+ Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư (báo cáo khả thi dự án đầu tư xây dựng)	300		
+ Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư (thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500)	400		
<b>- Thu lệ phí</b>	<b>15</b>		
+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	15		
<b>2/ Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>1.495</b>		
<b>- Thu phí:</b>	<b>1.480</b>		
+ Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	780		
+ Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư (báo cáo khả thi dự án đầu tư xây dựng)	300		
+ Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư (thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500)	400		
<b>- Thu lệ phí</b>	<b>15</b>		
+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	15		

NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
		Số tiết kiệm thực hiện CCTL của NS tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng
<b>II/ DỰ TOÁN CHI NS:</b>	<b>43.235</b>	<b>2.836</b>	<b>40.399</b>
Bao gồm:			
<b>A- Chi QLNN (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>40.893</b>	<b>2.703</b>	<b>38.190</b>
<b>1. Kinh phí hoạt động thường xuyên (biên chế)</b>	<b>15.458</b>	<b>464</b>	<b>14.994</b>
+ Chi con người	10.818		10.818
+ Chi hoạt động (58 biên chế x 80 triệu)	4.640	464	4.176
<b>2. Kinh phí không thường xuyên:</b>	<b>25.435</b>	<b>2.239</b>	<b>23.196</b>
+ Kinh phí hỗ trợ một số hoạt động riêng, đặc thù.	730	73	657
+ Dự án mua sắm và sửa chữa trụ sở cơ quan.	8.470	847	7.623
+ Kinh phí hoạt động Bàn Nhật Bản (Bàn Kansai đổi tên).	672	67	605
+ Kinh phí tổ chức hội nghị doanh nghiệp FDI	513	51	462
+ Kinh phí hoạt động lĩnh vực QHXD.	356	36	320
+ Kinh phí sử dụng Văn phòng của Phòng Quản lý XNK khu vực Đồng Nai trực thuộc Bộ Công thương.	200	20	180
+ Kinh phí thực hiện công tác hậu kiểm, kiểm tra giám sát đầu tư	150	15	135
+ Duy trì trang thông tin điện tử.	130	13	117
+ Kinh phí thực hiện công tác cấp Giấy phép xây dựng.	450	45	405
+ Kinh phí thực hiện công tác thẩm định cấp Giấy phép môi trường.	770	77	693
+ Kinh phí thực hiện thẩm định báo cáo khả thi dự án đầu tư, xây dựng.	150	15	135

NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
		Số tiết kiệm thực hiện CCTL của NS tỉnh	Dự toán đơn vị được sử dụng
+ Kinh phí Đoàn học tập 3S- An toàn và kỹ năng đặc định tại Nhật Bản	620	62	558
+ Kinh phí thực hiện thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng	100	10	90
+ Kinh phí tổ chức Hội nghị kỷ niệm 30 năm thành lập Ban Quản lý các KCN (06/4/1995-06/4/2025)	400	40	360
+ Kinh phí Lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phước An	1.260		1.260
+ Kinh phí Lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Long Đức	1.787		1.787
+ Kinh phí Lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các Khu công nghiệp.	8.677	868	7.809
<b>B- Chi sự nghiệp</b>	<b>2.341</b>	<b>133</b>	<b>2.209</b>
<b>I. Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278)</b>	<b>1.326</b>	<b>133</b>	<b>1.193</b>
+ Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.326	133	1.193
<b>II. Sự nghiệp khác (Loại 400- Khoản 428)</b>	<b>1.016</b>	<b>0</b>	<b>1.016</b>
<b>Trung tâm Đào tạo – cung ứng lao động kỹ thuật</b>	<b>1.016</b>	<b>0</b>	<b>1.016</b>
1. Kinh phí thực hiện tự chủ			
+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên	1.016	0	1.016